

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

## THƯ MỜI BÁO GIÁ

**Kính gửi: Quý Công ty**


Bệnh viện Nhi Trung ương có nhu cầu thực hiện mua sắm Trang thiết bị y tế phục vụ công tác chuyên môn lần 1 năm 2023. Danh mục, số lượng và tính năng kỹ thuật cơ bản của hàng hóa chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo.

Kính đề nghị các Công ty/ Nhà cung cấp/ Đơn vị quan tâm và có khả năng cung cấp, gửi bản Báo giá theo mẫu tại phụ lục 02 để Bệnh viện có căn cứ xây dựng dự toán mua sắm.

Địa điểm tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư - TBYT

+ Địa chỉ: Số 18/879 đường La Thành, Đống Đa, Hà Nội.

+ Điện thoại : 024.6273.8662/63

Thời hạn nhận báo giá: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày thông báo. 

**GIÁM ĐỐC** 



**Trần Minh Điền**

**Phụ lục 01**

**CHI TIẾT DANH MỤC, SỐ LƯỢNG VÀ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA THIẾT BỊ**

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tính năng kỹ thuật cơ bản</b>
1.	Máy chụp MRI 3.0 Tesla	Hệ thống	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số kênh thu nhận tín hiệu độc lập có thể sử dụng đồng thời cho một lần thu nhận như và trong 1 trường nhìn: 128 kênh</li> </ul>
2.	Máy Xquang C-Arm	Máy	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường nhìn: 3 chế độ</li> <li>+ Điện áp chiếu chụp tối đa: 110 kVp</li> <li>+ Dòng chiếu chụp tối đa: lên đến 20 mA</li> <li>- Màn hình hiển thị: 19",</li> <li>- Tấm cảm biến:</li> <li>+ Kích thước: 20 x 20 cm FPD</li> <li>- Tốc độ khung hình: 30 khung hình/giây</li> </ul>
3.	Hệ thống chụp mạch số hóa xóa nền (DSA) 2 bình diện	HT	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cánh tay C gắn sẵn: 01 hệ thống</li> <li>- Cánh tay treo trần kèm hệ thống ray: 01 hệ thống</li> <li>- Bàn bệnh nhân: 01 chiếc</li> <li>- Nguồn phát cao thế: 02 bộ</li> <li>- Bóng X quang: 02 bộ</li> <li>- Tấm cảm biến thu nhận ảnh: 02 bộ</li> <li>- Bộ điều khiển và hiển thị : 01 bộ</li> <li>- Bộ điều khiển trong phòng chụp: 01 bộ.</li> <li>- Bộ điều khiển ảnh chiếu và chụp: 01 bộ</li> <li>- Bộ điều khiển trong phòng điều khiển: 01 bộ.</li> <li>- Màn hình LCD màu hoặc hiển thị hình ảnh trong phòng</li> </ul>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
				<p>chụp: 01 bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màn hình LCD màu hoặc tương đương trong phòng điều khiển: 01 bộ</li> <li>- Trạm làm việc: 01 bộ</li> <li>- Bộ theo dõi huyết động: 01 bộ</li> <li>- Máy bơm thuốc cản quang: 01 chiếc</li> <li>- Bộ lưu điện online 3 pha cho toàn bộ hệ thống: 01 bộ</li> <li>- Các thiết bị phụ trợ, phụ kiện: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bộ đàm thoại: 01 bộ</li> <li>+ Tấm chì gắn bàn bảo vệ phía dưới: 01 chiếc</li> <li>+ Kính chì treo trần: 01 chiếc</li> <li>+ Đèn khám LED treo trần: 01 cái</li> <li>- Áo, váy chì: 10 bộ</li> <li>- Vòng cổ chì: 10 cái</li> </ul> </li> <li>- Bàn ghế làm việc trong phòng điều khiển: 01 bộ</li> </ul>
4.	Máy chụp X quang răng toàn cảnh CT Cone beam	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chụp khảo sát toàn hàm Panorama</li> <li>- Chụp sọ nghiêng</li> <li>- Khảo sát CT xương hàm và dựng hình 3D</li> <li>- Tích hợp phần mềm chỉnh nha</li> </ul>
5.	Hệ thống phẫu thuật nội soi full HD	HT	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Camera 3 chip x 1/3" CCD.</li> <li>- Nguồn sáng LED</li> <li>- Màn hình full HD, 25 inch</li> <li>- Máy bơm CO2, Dao mổ điện cao tần 300W</li> </ul>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
6.	Hệ thống phẫu thuật nội soi 4K	HT	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng trẻ nhỏ</li> <li>- Camera 3 chip x 1/3" CMOS, 4K</li> <li>- Nguồn sáng LED</li> <li>- Màn hình 4K, 30 inch</li> <li>- Máy bơm CO2, Dao mổ điện cao tần 300W</li> <li>- Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng trẻ lớn</li> </ul>
7.	Hệ thống nội soi TMH	HT	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn sáng LED</li> <li>- Cảm biến ảnh full HD</li> <li>- Màn hình 20 inch</li> <li>- 3 ống soi đường kính 2,7mm: 0 độ, 30 độ, 70 độ</li> <li>- Máy tính + in</li> </ul>
8.	Máy siêu âm chuyên tim mạch	Máy	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màn hình hiển thị 20 inch</li> <li>- 3 đầu dò tim cho trẻ lớn, nhỏ và sơ sinh</li> <li>- Số kênh số hóa: 4.500.000 kênh</li> <li>- Tốc độ thu hình: 1.800 hình/giây</li> </ul>
9.	Máy siêu âm doppler màu, xuyên sọ	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại xe đẩy, màn hình 19 inch</li> <li>- Đầu dò convex</li> <li>- Đầu dò Linner</li> <li>- Đầu dò xuyên sọ</li> </ul>
10.	Hệ thống kính hiển vi phẫu thuật thân kính sọ não	Hệ thống	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có bộ kết nối với HT định vị phẫu thuật thân kính sọ não của nhiều hãng.</li> </ul>
11.	Hệ thống định vị phẫu thuật thân kính sọ	Hệ thống	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bao gồm bộ khung cố định đầu</li> </ul>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
	não			- Kết nối được với kính hiển vi, C-arm, nội soi của các hãng khác nhau
12.	Dao mổ điện cao tần	Máy	5	- Tần số hoạt động: 400 KHz - Công suất cắt: 300W - Có 02 công nối với tay dao đơn cực, 02 công nối với công tắc cấp chân đơn cực và 01 công nối với tay dao lưỡng cực, 01 công nối với công tắc đạp chân lưỡng cực.
13.	Dao mổ coblator	Cái	1	- Ứng dụng cho tất cả các loại phẫu thuật tai mũi họng bao gồm mổ amidan, nạo VA, mô xoang, phẫu thuật thanh quản, đốt cuống mũi - Công suất cắt tối đa: 300 W
14.	Dao mổ plasma	Cái	1	- Ứng dụng trong phẫu thuật Tai Mũi Họng - Tần số sóng cao tần: 450 KHz
15.	Máy tạo nhịp tạm thời	Cái	3	- Loại 2 buồng - Các chế độ tạo nhịp: DD, DOO, DI, AAI, AOO, VVI, VOO
16.	Máy trao đổi nhiệt	Cái	1	- Sử dụng trong kỹ thuật mổ tim hở - Số lượng đường nước riêng biệt có thể sử dụng đồng thời: 03 đường - Nhiệt độ làm việc: 2-40 độ C - Chẩn trao đổi nhiệt cho trẻ lớn/nhỏ
17.	Máy tim phổi nhân tạo	Máy	1	- Khung giá đỡ các máy bơm máu: 01 cái - Bơm máu các cỡ: 05 cái - Bộ theo dõi, điều khiển và hiển thị trung tâm: 01 bộ

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ trộn khí: 01 bộ</li> <li>- Máy trao đổi nhiệt: 01 máy</li> </ul>
18.	Bàn mổ đa năng điện thủy lực	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bàn mổ đa năng điện thủy lực gồm các bộ phận: Đỡ đầu, lưng và 2 tấm đỡ chân tách rời nhau được.</li> <li>- Có bộ điều khiển cầm tay kéo dài và điều khiển trên chân bàn với các chức năng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Điều chỉnh điện thủy lực bàn bằng phím điều khiển cho các tư thế:</li> <li>+ Điều khiển dốc bàn ngược / xuôi</li> <li>+ Điều khiển nâng / hạ mặt bàn</li> <li>+ Nghiêng bàn hai bên trái / phải</li> <li>+ Nâng / hạ phần lưng.</li> <li>+ Bật / Tắt</li> </ul> </li> <li>- Phanh: Cơ cấu phanh cơ, điện thủy lực</li> </ul>
19.	Máy gây mê kèm thở có theo dõi khí mê	Máy	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích khí lưu thông Vt: 5mL tới 1500mL</li> <li>- Màn hình màu cảm ứng kích thước 15 inch</li> <li>- Đo được nồng độ khí mê và các loại khí: CO2 (EtCO2, FiCO2); O2 (EtO2, FiO2); N2O.</li> </ul>
20.	Bơm tiêm điện	Máy	200	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng bơm tiêm: 6 cỡ xy lanh tiêu chuẩn loại từ 5ml đến 60 ml, của nhiều nhà sản xuất khác nhau</li> <li>- Tốc độ tiêm: Từ 0.01 đến 1000 ml/h</li> </ul>
21.	Máy truyền dịch	Máy	50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại dây truyền dịch: Sử dụng với nhiều loại dây truyền dịch dùng cho máy truyền dịch.</li> </ul>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ truyền tối đa: 300mL/giờ</li> </ul>
22.	Máy làm ấm máu và dịch truyền	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ truyền tối đa: 20nl/phút</li> <li>- Nhiệt độ cài đặt: 36-39 độ C</li> </ul>
23.	Máy sưởi ấm bệnh nhân	Cái	7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ điểm cài đặt, tối thiểu gồm: 32°C, 38°C, 43°C, sai số cho phép <math>\pm 1,5^{\circ}\text{C}</math></li> </ul>
24.	Máy điện tim	Máy	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi đồng thời 16 đạo trình</li> <li>- Phần mềm quản lý, phân tích điện tim</li> <li>- Máy tính lưu trữ kết quả</li> </ul>
25.	Máy điện não vi tính	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 54 kênh</li> <li>- Tốc độ lấy mẫu: 10kHz</li> <li>- Máy tính, phần mềm điện não</li> </ul>
26.	Holter điện tim	Cái	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu ghi có số kênh: 3 kênh</li> <li>- Thời gian ghi liên tục: 7 ngày</li> <li>- Phần mềm quản lý, phân tích holter</li> </ul>
27.	Kính hiển vi soi ngược	Chiếc	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thị kính phóng đại 10X</li> <li>- Vật kính thẳng tiêu sắc: 5X/0.15; 10X/0.25; 20X/0.35; 40X/0.55</li> </ul>
28.	Kính hiển vi 3 đầu quan sát	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3 đầu quan sát</li> <li>- Thị kính 10X</li> <li>- Vật kính thẳng tiêu sắc: 4X/0.10, 10X/0.25, 40X/0.65, 100XO/1.25</li> <li>- Nguồn sáng LED</li> </ul>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Camera: Lạnh, CMOS, 18 Mp</li> <li>- Máy tính + Phần mềm phân tích hình ảnh</li> </ul>
29.	Kính hiển vi quang học	Cái	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thị kính 10X</li> <li>- Vật kính thẳng tiêu sắc: 5X/0.12; 10X/0.25; 40X/0.65; 100X/1.25</li> <li>- Nguồn sáng LED</li> </ul>
30.	Kính hiển vi quang học có Camera	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thị kính 10X</li> <li>- Vật kính thẳng tiêu sắc: 4X, 10X, 40X, 100X</li> <li>- Nguồn sáng LED</li> <li>- Camera: CMOS, 6 Mp</li> <li>- Phần mềm phân tích hình ảnh</li> </ul>
31.	Hệ thống ELISA tự động	Hệ thống	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất: 190 mẫu</li> <li>- Số khay vi thể: 6</li> <li>- Khay chứa đầu tip: 450</li> <li>- Kính lọc cho các bước sóng: 450 – 620nm, 3 loại</li> <li>- Số kênh rửa: 8</li> <li>- 4 buồng ủ hoạt động độc lập, cùng lúc</li> </ul>
32.	Máy PCR	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3 Block điều khiển độc lập</li> <li>- Định dạng: 3 x 32 giếng</li> </ul>
33.	Máy dán nhãn ống mẫu tự động	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 Bộ phận nhả ống</li> <li>- Công suất: 1800 ống/giờ</li> <li>- Khay chứa ống: 8 khay x 100 ống</li> </ul>



STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
34.	Máy hàn dây túi máu tự động	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 máy tính điều khiển có kết nối với LIS</li> <li>- Có chức năng tự động kết nối 2 ống dây PVC vô trùng.</li> <li>- Có thể nối 2 ống dây khô hoặc chứa dung dịch.</li> <li>- Màn hình hiển thị: Màn hình màu hiển thị trạng thái hoạt động, hướng dẫn sử dụng và báo lỗi.</li> <li>- Tự động thay thế dao nối, chuyển dao đã nối vào hộp chứa, đảm bảo điều kiện vô trùng.</li> <li>- Dao nối được gia nhiệt tới 250°C khi hoạt động.</li> <li>- Cỡ ống dây PVC: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường kính ngoài: khoảng từ 4.0 - 4.5mm</li> <li>+ Đường kính trong : khoảng 3mm</li> </ul> </li> <li>- Lượng mẫu khuấy tối đa: 10L</li> <li>- Tốc độ tối đa: 1500rpm</li> <li>- Nhiệt độ tối đa: 500 độ C</li> <li>- Đường kính ống tối đa: 50ml</li> <li>- Tốc độ quay: 3000rpm</li> <li>- Công suất: 12 túi máu 500mL</li> <li>- Tốc độ: 4000rpm</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -8 đến 40 °C</li> </ul>
35.	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	2	
36.	Máy lắc	Cái	7	
37.	Máy ly tâm lạnh túi máu	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất: 12 túi máu 500mL</li> <li>- Tốc độ: 4000rpm</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -8 đến 40 °C</li> </ul>
38.	Máy ly tâm lạnh đa năng	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Roto văng, 4 bucket (MTP và 250mL)</li> <li>- Công suất: 48 ống 15ml falcon; 60 ống 2mL falcon</li> <li>- Nhiệt độ làm việc: -8 đến 40 °C</li> </ul>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
39.	Máy lắc và tủ bảo quản tiểu cầu	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất máy lắc: 90 túi</li> <li>- Tần số máy lắc tối đa: 70 chu kỳ/phút</li> <li>- Nhiệt độ tủ bảo quản: 20-35 độ C</li> <li>- Dung tích tủ bảo quản: 2 máy lắc</li> </ul>
40.	Máy rửa đông	Cái	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung tích 9 lít</li> <li>- Nhiệt độ: 37 – 45 độ C</li> </ul>
41.	Tủ âm CO2	Cái	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung tích 170 lít</li> </ul>
42.	Máy hạ lạnh theo chương trình	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích buồng: 15L</li> <li>- Nhiệt độ làm lạnh tối đa: -180 độ C</li> <li>- Máy tính + phần mềm theo dõi</li> </ul>
43.	Máy điện di	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất: 96 giếng/ 1 lần chạy</li> </ul>
44.	Máy tách tế bào máu tự động	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng được nhiều chức năng: Thu tế bào gốc, trao đổi huyết tương, trao đổi hồng cầu, thu bạch cầu hạt, gạn bạch cầu điều trị, gạn tiểu cầu điều trị, xử lý tủy xương.</li> <li>- Có phân quản lý phân lớp tách tế bào tự động</li> <li>- Quản lý môi (dùng trong trường hợp phải môi máu trước khi kết nối máy với những bệnh nhân có thể tích tuần hoàn thấp)</li> <li>- Buồng ly tâm: tốc độ ly tâm tối đa 3000 vòng/phút; lực ly tâm tối đa 1200G</li> </ul>
45.	Máy xét nghiệm Mycoplasma	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng kit phát hiện mycoplasma phân tích sự tăng sinh và hoạt tính gây độc tế bào hoặc phân tích chỉ thị luciferase</li> <li>- Tương thích với các loại ống polystyrol trong suốt và ống ly</li> </ul>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
				tâm: đường kính tối đa 15mm, chiều dài khoảng 47-75 mm - Bộ đọc tín hiệu: bộ đếm photon với dải quang phổ từ 400 đến 630 nm
46.	Tủ bảo quản tế bào gốc máu cuống rốn	Cái	1	- Dung tích 700L - Công suất lưu trữ túi máu 25mL: 2500 túi
47.	Máy cắt tiêu bản	Cái	1	- Loại bán tự động - Độ dày lát cắt: 0,2 - 100µm
48.	Máy cắt xương (Pathodology saw)	Chiếc	1	- Đường kính lưỡi cắt: 30cm - Băng cắt kim cương, cơ chế hoạt động: cắt + mài - Khoảng cắt tối đa (cao x rộng): 30x30cm
49.	Hệ thống phân tích nhiễm sắc thể tự động (Karyotyping)	Hệ thống	1	- Kính hiển vi huỳnh quang tự động + Mâm gắn vật kính 07 vị trí + Nguồn sáng đèn LED + Ống kính quan sát 2 mắt, có cổng gắn Camera + Vật kính phẳng tiêu sắc chuyên dùng cho kỹ thuật huỳnh quang: Vật kính 4x, 10x, 20x, 40x, 100x + Hộp tụ quang điều khiển tự động có 7 vị trí + Bộ phận huỳnh quang: Bóng đèn thủy ngân - Camera: - Bộ phận tải lam tự động - Phần mềm dùng cho Gen di truyền tế bào, bao gồm:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phần mềm tự động tìm các giai đoạn kỳ giữa của nhiễm sắc thể</li> <li>+ Phần mềm tự động chụp ảnh</li> <li>+ Phần mềm lập sơ đồ nhiễm sắc thể có trí tuệ nhân tạo tự động/bảng tay</li> <li>+ Phần mềm phân tích tín hiệu FISH</li> <li>+ Phần mềm đọc mã vạch tự động</li> <li>- Máy in laser đen trắng, Máy in phun màu, Bộ máy tính</li> </ul>
50.	Máy đo Bilirubin qua da	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dải đo: 0.0 mg/dL tới 20 mg/dL</li> <li>- Độ chính xác: <math>\pm 1,5</math> mg/dL</li> </ul>
51.	Máy bảo da	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy bảo da có chức năng lấy vật da và khớp lại cho các bộ phận ghép da đồng nhất, sử dụng trong phẫu thuật vá, ghép da.</li> <li>- Tốc độ bảo: 2000 đến 15.000 Vòng/phút</li> <li>- Độ dày điều chỉnh: 0,05 đến 1.0 mm</li> <li>- Mức điều chỉnh: 0,1 mm</li> </ul>
52.	Máy điều trị vết thương bằng tia plasma	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Máy phát tia Plasma lạnh hỗ trợ trong điều trị vết thương có tác dụng diệt khuẩn hoặc ức chế vi khuẩn gồm cả một số vi khuẩn kháng thuốc vi rút và nấm; Kích thích tăng sinh tế bào, tái sinh mô, hình thành tân mạch trong quá trình liền thương.</li> </ul>
53.	Đèn chiếu vàng da	Cái	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đèn LED, loại 2 mặt</li> <li>- Bước sóng đỉnh: 455 tới 470 nm</li> <li>- Bức xạ quang phổ: 35 <math>\mu</math>W/cm<sup>2</sup></li> </ul>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
54.	Máy kiểm soát nồng độ khí NO	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích bề mặt chiếu sáng: 50 cm x 20 cm</li> <li>- Hệ thống phân phối khí NO theo một chu trình khép kín.</li> <li>- Theo dõi thời gian thực các thông số NO, NO2 và O2</li> <li>- Tự động điều chỉnh các ngưỡng báo động khi liều thay đổi</li> <li>- Sử dụng tương thích với máy thở xâm lấn và máy thở không xâm lấn</li> <li>- Máy chính có thể tháo rời để sử dụng khi di chuyển bệnh nhân trong trường hợp cấp cứu</li> <li>- Dải đo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ NO: từ 0 đến khoảng 100 ppm;</li> <li>+ NO2: từ 0 đến khoảng 20 ppm;</li> <li>+ O2: từ 0 đến 100%</li> </ul> </li> <li>- Độ chính xác theo dõi: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ NO &amp; NO2: <math>\pm 3\%</math> hoặc 0,3 ppm;</li> <li>+ O2: <math>\pm 3.5\%</math></li> </ul> </li> <li>- Hiển thị: Màn hình cảm ứng LCD</li> </ul>
55.	Máy hấp tiết trùng	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo 2 cửa trượt</li> <li>- Dung tích: 900 lít</li> <li>- Công suất: 12 hộp tiêu chuẩn STU, ISO hoặc SPRI</li> <li>- Tích hợp bộ tạo hơi đồng bộ</li> </ul>
56.	Máy rửa ống nội soi	Cái	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại 2 buồng cùng lúc</li> </ul>
57.	Máy lai huỳnh quang tại chỗ	Chiếc	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chức năng rã nền, bộc lộ đoạn gen cần phát hiện, gắn môi đặc hiệu với đoạn gen cho soi trên kính hiển vi.</li> </ul>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
58.	Máy đo nội độc tố vi khuẩn (Endotoxin)	Chiếc	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho phép điều chỉnh nhiệt độ phù hợp cho ủ bệnh phẩm với môi đặc hiệu, chạy được đối với hầu hết các loại mẫu bệnh phẩm như máu, nước tiểu, bệnh phẩm mô cứng, bệnh phẩm đóng nền.</li> <li>- Chứa được tối đa 12 slides, có khả năng điều chỉnh và kiểm soát nhiệt độ: từ 37-95°C</li> <li>- Máy theo dõi sự sinh trưởng của vi khuẩn, sự tăng sinh tế bào, độc tế bào, nhận dạng vi khuẩn</li> <li>- Nguồn sáng: đèn Xenon</li> <li>- Dải bước sóng: 350 -850 nm</li> <li>- Dải đo trắc quang: 0 OD – 4.0 OD</li> <li>- Nhiệt độ điều khiển: Trên nhiệt độ môi trường đến + 40 °C</li> </ul>
59.	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Chiếc	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Loại sử dụng cho 2 KTV</li> <li>- Thân tủ bằng thép sơn tĩnh điện, vùng làm việc bằng Inox 304</li> </ul>
60.	Hệ thống điện sinh lý (sử dụng công nghệ lập bản đồ giải phẫu điện học 3D)	Hệ thống	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Cấu hình:</li> <li>- Trạm làm việc trung tâm: 01 bộ</li> <li>- Khối thu nhận, xử lý và khuếch đại tín hiệu: 01 module</li> <li>- Máy kích thích tim: 01 cái</li> <li>- Máy phát sóng tần số Radio: 01 cái</li> <li>- Máy bơm truyền dịch lạnh: 01 bộ</li> <li>- Bộ vật tư tiêu hao đi kèm theo hệ thống: 01 bộ</li> </ul> <p>* Tính năng kỹ thuật cơ bản:</p>

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tính năng kỹ thuật cơ bản
61.	Hệ thống nội soi hô khí – phế quản	Hệ thống	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập bản đồ 3D giải phẫu điện học các buồng tim sử dụng công nghệ thu nhận và xử lý tín hiệu điện trở và từ trường tương thích cho trẻ em.</li> <li>- Ghi và hiển thị tín hiệu điện sinh lý tim từ ít nhất 120 kênh qua catheter đặt trong buồng tim ở nhiều vị trí khác nhau</li> <li>- Tích hợp hình ảnh điện học với hình ảnh giải phẫu 3D từ MSCT và MRI tim</li> <li>- Tương thích với các loại vật tư tiêu hao dùng cho trẻ em ở mọi lứa tuổi và các hãng sản xuất khác nhau đang có trên thị trường</li> </ul>
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn sáng Xenon 300W: 01 cái</li> <li>- Bộ xử lý hình ảnh HD: 01 bộ</li> <li>- Màn hình chuyên dụng 21": 01 cái</li> <li>- Ống nội soi khí - phế quản video ống mềm cho trẻ nhỏ: 01 cái</li> <li>- Ống nội soi khí - phế quản video ống mềm cho trẻ lớn: 01 cái</li> </ul>

Phụ lục 02  
Mẫu báo giá

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Nhi Trung ương

“.....(tên đơn vị)....., có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh.....được cấp bởi.....”

Căn cứ thông báo mời báo giá của Bệnh viện Nhi Trung ương và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý viện bản báo giá các hàng hóa như sau:

ST T	Tên hàng hóa Cấu hình, đặc tính kỹ thuật (Bao gồm cả vật tư tiêu hao, linh phụ kiện đi kèm)	Ký mã hiệu (Model)	Hãng/ nước sản xuất	Hãng, nước chủ sở hữu	Phân nhóm theo Thông tư 14/2020/T T-BYT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền	Mã kê khai theo ND 98/2021/N Đ-CP
1										
2										
...										
<b>Tổng cộng</b>										

- Giá chào là giá đã bao gồm phí vận chuyển, bàn giao, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

- Báo giá có hiệu lực:..... kể từ ngày báo giá.

**Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá**  
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

